

Bản án số: 33/2024/HNGĐ

Ngày 15- 8- 2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Duy Nam, ông Hoàng Trọng Lượng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 N 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 N 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 N 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Đ T N, sinh N 1991

Địa chỉ: khu L, xã K, huyện L, tỉnh T

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

2- Bị đơn: Anh X V T, sinh N 1988

Địa chỉ: khu L, xã K, huyện L, tỉnh T

*(Chị N, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Thủy có mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Về quan hệ hôn nhân:**

+ Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2024 và tại bản tự khai 20/3/2024 nguyên đơn là chị Đ T N trình bày: Chị Đ T N và anh X V T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2015 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu L, xã K, huyện L, tỉnh T. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, thường

xuyên đánh, cãi, chửi nhau, không tôn trọng nhau, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng với anh T không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2024, bị đơn là anh X V T trình bày: Vợ chồng tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không ai bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện L, tỉnh T ngày 28/9/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại quê chị N ở khu L, xã K, huyện L, tỉnh T, lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến ngày 11/3/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, chị N không chung thủy với anh T nên vợ chồng có vài lần xảy ra việc cãi nhau và đánh nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Kể từ tháng 3/2024 vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị N xin ly hôn, anh T không đồng ý và xin đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị N và anh rất thương con.

- **Về con chung:** Hai bên đều trình bày, vợ chồng có 01 con chung là X M T, sinh ngày 06/11/2018, hiện nay đang ở với chị N từ khi vợ chồng ly thân.

*Quá trình giải quyết chị N có ý kiến:* Chị xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

*Quá trình giải quyết anh T có ý kiến:* Anh nhất trí để con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con, còn anh tự cấp dưỡng cho con bao nhiêu là do sự tự nguyện của anh.

- **Về tài sản chung:** Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- **Về nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:** Hai bên đều trình bày không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị N, anh T. Đại diện UBND xã K, huyện L, tỉnh T đã xác nhận: Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị N, anh T có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không biết vì anh chị không báo cáo chính quyền địa phương và khu dân cư hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm:**

- *Về tố tụng dân sự:* Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Đ T N và anh X V T, đều có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Đ T N và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 70 và khoản 1 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Đề nghị Hội đồng xét xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đ T N được ly hôn anh X V T.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị Đ T N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là X M T, sinh ngày 06/11/2018, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh T, không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N tự nguyện không yêu cầu.

Anh X V T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Đ T N là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị Đ T N và anh X V T là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn là anh X V T có nơi cư trú tại xã K, huyện L, tỉnh T. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị Đ T N và anh X V T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt của chị N, anh T là phù hợp khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đ T N và anh X V T đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị N xin ly hôn thì địa phương không nắm được vì anh chị không yêu cầu chính quyền địa phương hoà giải. Nay chị N xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Hội đồng xét xử nhận thấy:* Giữa chị N và anh T có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N xin ly hôn anh T là phù hợp với thực trạng chung sống của vợ chồng nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh.

Anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh T không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng do đó việc anh xin đoàn tụ là chưa thật tâm nên không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh T.

[2.2]. Về con chung: Chị Đ T N và anh X V T có 01 con chung là X M T, sinh ngày 06/11/2018, hiện nay đang ở với chị N kể từ khi vợ chồng ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý với ý kiến xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung của chị N. Xét thấy, các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên cần cung nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[2.3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Quá trình giải quyết chị N, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đ T N là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

### **Xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đ T N được ly hôn anh X V T.

[2]. Về con chung: Chị Đ T N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là X M T, sinh ngày 06/11/2018, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh X V T, không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N tự nguyện không yêu cầu.

Anh X V T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Đ T N được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao, nhận hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã K;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Thảo**

